

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/09/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	16	0		17	0	
2		GTC1+RP3+RP2	7:25	7+15+0	0+0+0		5+12+0	0+0+0	Chuyen 2 RP3- RP2
3		CTK3+MRM+BK15	7:25	19+3+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
4		RCDM+RP3+BK16	7:25	9+3+10	0+0+0		0+0+5	0+0+0	
5		CNV+BK15	9:25	2+20	0+0		0+20	0+0	
6		TD5+CTK3	9:25	11+11	0+0		6+15	0+0	
7		RP3	9:25	22	0		0	0	
8		TD2	11:25	15	0		13	0	

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2020	TO: TD2	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HHai - HLONG	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHONG*TT	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM HÙNG SƠN	TD2	35	1	4	60	57	YTE	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG HIỀN	TD2	31	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN XUÂN	TD2	24	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	28	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	29	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
7	DUY HAI BANG	TD2	33	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ QUANG HUNG	TD2	34	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HUNG	TD2	22	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	23	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
11	VO DUC GIAP	TD2	26	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
12	QUACH VAN CU	TD2	21	1	15		67	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HUNG CUONG	TD2	32	1	5		101	KHOAN	Vietnamese
14	NG. QUỐC TUÂN-CAM-PVDT	TD2	25	1	4		50	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	27	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC HIẾU	TD2	30	1	10		69	PVD	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	15	92	1.158	60	17		
TOTAL		16	15	92	1.158	60	17		
WEIGHT KG				92	1.158	60			

GRAND TOAL: 1.310 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: GTC1 - RP3 - RP2	CREW: Nam - NPhú - QTrưởng	ETA: 09:20
Cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỒNG MINH	GTC1	39-40	2	17		89	KH-THAC	Vietnamese
2	KURPASOV VALERI	GTC1					70	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	33	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	GTC1	34	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LANG	GTC1	35	1	11		56	T-TIN	Vietnamese
6	LÊ VĂN LỢI	GTC1	36-38	3	20		53	T-TIN	Vietnamese
7	NGÔ TRUNG LUYỄN	GTC1	32	1	5		71	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ANH	RP3	75-76	2	10		75	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ TIẾN THANH	RP3	92	1	7	103	61	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN NHƯ Ý	RP3	89-90	2	11		63	KHI	Vietnamese
11	PHẠM DUY TUẤN	RP3	81	1	5		83	KHI	Vietnamese
12	BUI VIỆT TUẤN	RP3	88	1	5		56	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUY	RP3	82-83	2	15		65	KHI	Vietnamese
14	HOANG MẠNH THẮNG	RP3	86	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	VÕ ĐÌNH TIẾN	RP3	80	1	4		57	KHI	Vietnamese
16	PHAN VĂN SỸ	RP3	78	1	5		68	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HAI	RP3	74	1	10		73	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐIẾP	RP3	84-85	2	7		58	KHI	Vietnamese
19	HOANG TRỌNG PHÚC	RP3	91	1	10		72	KHI	Vietnamese
20	LÊ TIẾN DŨNG	RP3	94-95	2	14		81	KHI	Vietnamese
21	ĐÌNH KHẮC HÙNG	RP3	77	1	5		74	KHI	Vietnamese
22	TRỊNH HOANG THÈM	RP3	87	1	5		63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	7	9	66	475	0	5		CHUYEN 02 PAX TU RP3 SANG RP2
2	RP3	15	20	118	1.019	103	12 + 2		
3	RP2	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	29	184	1.494	103	17		
WEIGHT KG				184	1.494	103			

GRAND TOTAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - MRM - BK15	CREW: Hồi - MTHAO - Huy	ETA: 09:25
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOGDANOV	CTK3	26	1	8		80	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN BÌNH LONG	CTK3	25	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	29	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SAU	CTK3	27	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY HÀ	CTK3	32	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN DƯ	CTK3	17	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	16	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	22	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ THANH CHUNG	CTK3	31	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	21	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TU THẮNG	CTK3	15	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAM VĂN THANH	CTK3	28	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN BẮC	CTK3	34	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI HỮU HUÂN	CTK3	19	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	20	1	5	40	74	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN KHƯƠNG	CTK3	18	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ VĂN TIẾN	CTK3	30	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	24	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ HOÀNG TÂN	MRM	79	1	8	12	83	DVL	Vietnamese
21	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	MRM	78	1	12		77	DVL	Vietnamese
22	NHÂM ĐỨC TUÂN	MRM	81-82	2	10	62	70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	19	97	1.285	40	18		
2	MRM	3	4	30	230	74	0		
3	BK15	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	23	127	1.515	114	22		
WEIGHT KG				127	1.515	114			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: RCDM - RP3 - BK16	CREW: Hạnh - Mạnh - THỤ	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HẢI SƠN	RCDM	38	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THAI BÌNH	RCDM	47-48	2	10		68	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG KIẾN	RCDM	34-35	2	5		75	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN DAT	RCDM	49-50	2	8		62	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC THỊNH	RCDM	36-37	2	10	60	65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT LỘC	RCDM	44-45	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SANG	RCDM	39	1	7		71	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG NGỌC HOÀI	RCDM	46	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN NGỌC TUẤN ANH	RCDM	42-43	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	HOÀNG PHÚC	RP3	31	1	4	13	68	KHI	Vietnamese
11	PHẠM BA SINH	RP3	33	1	5	18	62	KHI	Vietnamese
12	PHẠM THANH NAM	RP3	32	1	6	40	58	KHI	Vietnamese
13	LÊ VĂN LÂM	BK16	35	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÙNG	BK16					72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MINH THẮNG	BK16	31	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16					85	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CANH HÙNG	BK16	32-33	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MUỐI	BK16	34	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ HỮU ĐỨC	BK16	37	1	18		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN XUÂN HOA	BK16					70	PSV	Vietnamese
21	PHẠM TUẤN VIỆT	BK16	36	1	10		88	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	9	15	99	606	60	0		
2	RP3	3	3	15	188	71	0		
3	BK16	9	7	58	651	0	5		
TOTAL		21	25	172	1.445	131	5		
WEIGHT KG				172	1.445	131			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2020	TO: CNV - BK15	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Nam - NPhú - QTrưởng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH XUÂN TOÀN	CNV	06-07,04	3	18		60	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THU	CNV	03	1	20		61	T-TIN	Vietnamese
3	TRẦN KIM THÔNG	BK15	29	1	14		53	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	BK15	18	1	13		63	XAYLAP	Vietnamese
5	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	BK15	27-28	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGÔ THANH HAI	BK15	10-11	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN SỰ	BK15	32-33	2	6		80	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN PHƯƠNG	BK15	15-16	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG QUYẾT	BK15	09	1	6		68	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI QUANG CÔNG	BK15	01-02	2	19		74	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN LAI	BK15	23-24	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	BK15	07-08	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN PHÚC SANG	BK15	30-31	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN THANH	BK15	13-14	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VĂN LỢI	BK15	34-35	2	8		58	XAYLAP	Vietnamese
16	VÔ TÁ HOÀN	BK15	05-06	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
17	LY HỮU THẮNG	BK15	21-22	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ XUÂN HAI	BK15	12	1	15		87	XAYLAP	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN THẮNG	BK15	03-+04	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
20	VÔ TÁ HÙNG	BK15	17	1	20		68	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN KHA	BK15	25-26	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ VĂN BÌNH	BK15	19-20	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	2	4	38	121	0	0		
2	BK15	20	35	322	1.336	0	22		
TOTAL		22	39	360	1.457	0	22		
WEIGHT KG				360	1.457	0			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: TD5 - CTK3	CREW: Hồi - MTHAO - Huy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN TUÔI	TD5	48-49	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ HỒNG LONG	TD5	47	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUÝ THUẬN	TD5	42-43	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CHUNG	TD5	45	1	7	17	55	XAYLAP	Vietnamese
5	HUYNH PHƯƠNG HUNG	TD5	40-41	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN KHẮC THO	TD5	35-36	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG THANH	TD5	37	1	10	10	69	XAYLAP	Vietnamese
8	HÀ MẠNH HUNG	TD5	39	1	6		52	XAYLAP	Vietnamese
9	LAM QUANG HUY	TD5	44	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN THẾ LONG	TD5	52-53	2	11		63	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ HOÀNG SƠN	TD5	50-51	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NHAN KHANH	CTK3	57	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	52	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HUNG	CTK3	59	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	560-561	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TU ANH	CTK3	61	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	55-56	2	13		69	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH BA NINH	CTK3	58	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
20	PANKRATOV	CTK3	562	1	12		99	ANTOAN	Russian
21	LÊ VĂN MINH	CTK3	53	1	5		82	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CÂN	CTK3	54	1	3		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	11	17	131	700	27	6		
2	CTK3	11	12	69	817	0	15		
TOTAL		22	29	200	1.517	27	21		
WEIGHT KG				200	1.517	27			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2020	TO: RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hạnh - Mạnh - THỤ	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN QUANG	RP3	32	1	11		63	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC TUAN	RP3	97	1	7		78	KHI	Vietnamese
3	TRẦN HỒNG QUAN	RP3	46	1	8		65	KHI	Vietnamese
4	DINH VĂN BĂNG	RP3	44	1	6		81	KHI	Vietnamese
5	TA MINH TỬ	RP3	42-43	2	6	109	60	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY	RP3	45	1	7		60	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	36	1	7		60	KHI	Vietnamese
8	VŨ QUỐC HUNG	RP3	35	1	5		63	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HUYNH	RP3	33-34	2	6		55	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN SƠN ANH	RP3	20	1	12		91	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUNG	RP3	700	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ TRỌNG VĂN	RP3	30-31	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN ĐỨC	RP3	600	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
14	DƯƠNG MINH HOANG	RP3	19	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
15	HA HỮU THAI	RP3	22-23	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP3	18	1	9		56	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐO VĂN TUYẾN	RP3	24-25	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚC HIẾN	RP3	28-29	2	17		83	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC GIÁP	RP3	27	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THUY	RP3	26	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC CHÍNH	RP3	21	1	18		77	XAYLAP	Vietnamese
22	CHERNENEV	RP3	98-99	2	10		70	XAYLAP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	29	241	1.495	109	0		
TOTAL		22	29	241	1.495	109	0		
WEIGHT KG				241	1.495	109			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	TO: TD2	CREW: NKhánh - Dũng	ETA: 14:40
XANH 11:30			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ TUẤN MẠNH	TD2	42	1	4		64	PVD	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THI	TD2					72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG HOA	TD2	51	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	KIỆU XUÂN TÂM	TD2					76	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO DUY TỬ	TD2	47	1	9		57	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN TRỌNG	TD2	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD2					64	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ DUY DŨNG	TD2	40	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HẢI	TD2	46	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH TÙNG	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD2	41	1	15	29	85	DVL	Vietnamese
12	ĐỖ MINH HỘI	TD2	49-50	2	5		70	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ ĐẶNG THANH	TD2	39	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUANG	TD2					66	PSV	Vietnamese
15	HOANG VĂN CÔNG	TD2	48	1	7		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	11	60	1.010	29	13		
TOTAL		15	11	60	1.010	29	13		
WEIGHT KG				60	1.010	29			

GRAND TOAL: 1.099 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/09/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+TD3	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
2		TD5	7:25	22	0		22	0	
3		TD3+TD5	9:25	8+14	0+0		7+15	0+0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK8 - TD3	CREW: QViệt - KHOÀN - QTrường	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG THẾ VINH	BK8	32	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU VÂN	BK8	31	1	11		76	KH-THAC	Vietnamese
3	HA VÂN TRUNG	BK8	33-34	2	19		76	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK8	30	1	13		64	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU QUYẾT THẮNG*TT	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
6	FILIPPOV NIKOLAY	TD3					90	KHOAN	Russian
7	PHAN HOÀNG LAM	TD3	42-43	2	8		71	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG HUY LONG	TD3	52-53	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG HOÀNG LONG	TD3	46	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	41	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
11	NG. ĐÌNH NGỌC*CAM-PVDT	TD3	51	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
12	KHÔNG QUỐC HUNG	TD3	44	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG NGỌC NGHĨA	TD3	47	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	48-49	2	12	35	66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD3	50	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ TIẾN LỰC	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	45	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
18	PHÙNG VĂN XUYỀN	TD3	59	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
19	HỒ NGỌC BEN	TD3	54	1	10		73	KHAI THA	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN DŨNG	TD3	60	1	12		74	KHAI THA	Vietnamese
21	NGUYỄN TÂN PHONG	TD3	55	1	13		65	KHAI THA	Vietnamese
22	YKHIMCHUK	TD3	61	1	10		86	KHAI THA	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	4	5	51	286	0	0		
2	TD3	18	18	112	1.271	35	22		
TOTAL		22	23	163	1.557	35	22		
WEIGHT KG				163	1.557	35			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD5	CREW: VThắng - Mạnh - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CHI LINH	TD5	75	1	12		80	DIA -VL	Vietnamese
2	BUI TAN BINH	TD5	55	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DUNG	TD5	63	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUC MINH	TD5	77	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM THE QUANG	TD5	72	1	11		69	KHAI THA	Vietnamese
6	TRAN VAN HUY	TD5	54	1	10		71	KHAI THA	Vietnamese
7	BELEEV	TD5	61	1	8		82	KHAI THA	Russian
8	LUU VAN PHONG	TD5	73	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN BAO	TD5	64-65	2	15		75	YTE	Vietnamese
10	LUONG MINH PHUNG *TT	TD5	67-68	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN HANH	TD5	76	1	3		92	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN HUONG	TD5	60	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
13	BUI DINH PHUC	TD5					69	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN NGOC LINH	TD5	62	1	10		79	KHOAN	Vietnamese
15	NGO QUOC BAO	TD5	74	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TAT THANH	TD5	70	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
17	HÔ VĂN TIẾN	TD5	57	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN SỸ LỆ	TD5	58	1	8	40	59	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN THUY	TD5	66	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN ĐIỀU	TD5	56	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT DUNG	TD5	69	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
22	ĐỖ VINH CUƠNG	TD5	59	1	6		69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	23	148	1.537	40	22		
TOTAL		22	23	148	1.537	40	22		
WEIGHT KG				148	1.537	40			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: TD3 - TD5	CREW: QViệt - XHOÀN - QTrường	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN AN NINH	TD3	17	1	13		73	KH THAC	Vietnamese
2	TRAN NAM THANG	TD3	18	1	10		108	KH THAC	Vietnamese
3	TRAN MINH TUAN	TD3	09-10	2	14		74	CO DIEN	Vietnamese
4	NGUYEN TOAN THANG	TD3	15	1	10		71	CO DIEN	Vietnamese
5	LE VAN DUNG	TD3	07-08	2	10		50	CO DIEN	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC ANH	TD3	13-14	2	8		66	CO DIEN	Vietnamese
7	TRAN THAI AN	TD3	11-12	2	9		72	DVL	Vietnamese
8	TRAN VAN SANG	TD3	16	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	PHAN QUANG VU	TD5	732	1	15		75	KH THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN DU	TD5	22	1	3		59	DVL	Vietnamese
11	TRUONG MINH KHANH	TD5	24	1	10		70	DVL	Vietnamese
12	DO NGOC DUYEN	TD5	28	1	14		71	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN HUU VIET	TD5	27	1	13		60	DVL	Vietnamese
14	TRAN TRUNG THANG	TD5	23	1	2		75	PSV	Vietnamese
15	VU NGOC HUNG	TD5	26	1	5		61	PSV	Vietnamese
16	DANG VAN THUAN	TD5	29	1	7		87	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DANG NGOC	TD5	25	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	TRAN MINH HUNG	TD5	32	1	5		87	PSV	Vietnamese
19	TRINH QUOC HUNG	TD5	731	1	5		71	PSV	Vietnamese
20	DOAN VAN THINH	TD5	31	1	4		45	PSV	Vietnamese
21	LUONG ANH HAI	TD5	30	1	5		52	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG MINH	TD5	730	1	6		81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	8	12	79	574	0	7		
2	TD5	14	14	99	969	0	15		
TOTAL		22	26	178	1.543	0	22		
WEIGHT KG				178	1.543	0			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN